

## **BƯỚC ĐẦU KHẢO SÁT THỰC TRẠNG NỘI ĐẠO TRÀNG VÙNG QUẢNG XƯƠNG, THANH HOÁ**

BÙI QUANG THANH<sup>(\*)</sup>

**C**ó một hiện tượng tôn giáo tín ngưỡng độc đáo liên quan đến sự ra đời của dòng Đạo Nội với hiện diện của Đức Phật giảng hạ xuống một vùng đất cụ thể, từ nhiều trăm năm qua, đã được ghi chép vào sử sách và truyền kể qua nhiều thế hệ người dân dọc các xã ven biển vùng Quảng Xương, Thanh Hoá. Xoay quanh một địa dư đích thực là Yên Đông, qua tâm thức dân gian, đây chính là nơi phát tích của một dòng đạo, khai sinh cho một thứ tôn giáo bản địa có linh thiêng Phật Tổ, có uy lực và sức mạnh kì bí của thần linh, đủ sức trấn ngự và khuất phục tâm linh bao đời, không chỉ từ phạm vi một làng, một vùng mà còn lan tỏa ra nhiều địa phương của đồng bằng châu thổ Bắc Bộ và khu Bốn cũ. Và, cũng trải qua 4 thế kỉ thăng trầm trong ứng xử, đắp bồi qua nhiều biến động lịch sử qua các hỗn dung của nhiều cơ tầng văn hóa với vô vàn các lễ thói tập tục, tín ngưỡng bản địa người Việt, Đạo Nội Yên Đông vẫn có sức sinh tồn riêng, vẫn có sức hút tâm linh độc đáo và ẩn chứa không ít vấn đề liên quan đến bản sắc văn hoá đặc thù người Việt, mà, nếu khoa học liên ngành đi sâu giải mã, khơi sáng, chắc chắn sẽ có nhiều ý nghĩa và giá trị tích cực đối với thực tiễn xây dựng nền văn hoá Việt Nam hiện đại hôm nay.

Đứng trước một đối tượng văn hoá - tâm linh có dự báo không ít ẩn số phức tạp như vậy, vấn đề cấp thiết cần đặt ra là khảo sát khách quan thực trạng nảy sinh và tồn tại của đạo nội Yên Đông qua diễn tiến của các chặng hành trình văn hoá vừa chung (phạm vi quốc gia, dân tộc), vừa riêng (phạm vi làng xã, vùng) để từ đó, khả dĩ nhận diện được bản chất chung/ đặc thù của chính loại hình sinh hoạt tôn giáo - tín ngưỡng này, ngõ hầu góp phần vào việc xử lí, định hướng, phát huy và bảo tồn những nét văn hoá tích cực của người Việt trong cuộc sống đương đại và mai sau.

Từ thành phố Thanh Hoá, đi theo quốc lộ A1 xuôi phía nam 12 km (qua huyện lỵ Quảng Xương), rẽ trái vào đường đá 4 km nữa là lọt vào địa phận làng Yên Đông xưa. Hoặc cũng theo quốc lộ 1A, qua huyện lỵ Quảng Xương chừng 200m rẽ trái theo hướng lộ qua các xã Quảng Giao, Quảng Đại là gặp An Đông từ, nơi thờ Phật Tổ, gốc tích của Nội Đạo Yên Đông. Cũng còn đường đi khác: từ Thành phố Thanh Hoá, đi xuôi hướng biển Sầm Sơn, đến ngã ba Môi đi về núi Chẹt theo tỉnh lộ số 4A, gặp cây số 8 rẽ vào 600m là

\*. Ban Di sản Văn hóa, Viện Văn hóa – Thông tin.

đã gặp vết tích của hai cột tháp xây bằng gạch, khi xưa còn hai cánh gà xây hai bên, phía trên mang dòng chữ “Việt Nam Nội Đạo”, trấn ngự phía đông nam chùa Mậu Xương của làng Yên Đông xưa (nay là Mậu Xương).

Nhìn vào địa mạo, vùng đất Quảng Xương ngày nay là đồng bằng giáp biển của một phần Thanh Hoá. Từ thời Lý - Trần trở về trước, chắc hẳn nơi đây một số xã ven biển như Quỳnh Lưu, Quảng Hải phần lớn còn là bãi sa bồi hoặc đang hình thành, chưa có hoặc còn ít dân đến khai khẩn, sinh sống<sup>(1)</sup>. Theo sách *Đại Việt Địa dư toàn biên* của Phương Đình Nguyễn Văn Siêu<sup>(2)</sup> thì vùng đất mang danh *Quảng Xương* mới xuất hiện từ năm 1470. Trấn ngự hai đầu Bắc và Nam Quảng Xương là 2 cửa biển lớn: Hội Trào (nay là Lạch Trào) ở phía Bắc, nơi sông Lương, sông Mã chảy vào. Phía Nam là cửa biển Hàn Hải (nay gọi là Lạch Ghép). Theo các cụ già vùng ven biển Quảng Hải, Quảng Lưu kể lại<sup>(3)</sup>, vùng biển Lạch Trào quanh năm hiểm yếu, thường có sóng to gió lớn và nhiều vùng nước xoáy. Thuyền bè qua vùng này thường gặp nạn. Truyền thuyết duyên hải còn kể rằng: vào thời kì nhà Tống mặt vận, quân Nguyên dồn ép và đuổi đánh tàn quân hoàng tộc nhà Tống ra tận phía nam Trung Quốc. Quân lính nhà Tống cùng hoàng tộc dồn nhau lên thuyền chạy dạt ra đảo Hải Nam. Chẳng may gặp bão lớn, hàng trăm chiến thuyền bị vỡ. Quan quân nhà Tống rơi xuống biển chết nhiều vô kể. Xác chết theo dòng đối lưu của biển cả trôi dạt về vùng biển từ cửa Lạch Trào trở vào. Theo thủy triều, hàng vạn xác chết dạt vào bờ, về sau xương người chết trắng xoá suốt dọc ven biển này! Soi vào

chính sử: Trong bộ chính sử đầu tiên của nước ta, *Đại Việt sử kí toàn thư*, sử thần Ngô Sĩ Liên có chép: “Kỷ Mão, Thiên Bảo năm thứ nhất (1279), Tống Tương Hưng năm thứ 2; Nguyên Chí Nguyên năm thứ 16. Quân Nguyên đánh úp quân Tống ở Nhai Sơn, quân Tống thua. Tả Thừa tướng nhà Tống là Lục Tú Phu cùng vua Tống nhảy xuống biển chết. Hậu cung và các quan chết theo rất nhiều. Qua 7 ngày xác nổi lên mặt biển đến hơn 10 vạn người...”<sup>(4)</sup>.

Người dân xã Quảng Nham bên cửa Lạch Ghép còn kể nhiều chuyện về các cuộc thủy chiến ác liệt của tướng lĩnh nhà Trần (chủ yếu do Trần Nhật Duật chỉ huy) cùng quân dân ta với giặc Nguyên và giặc Chiêm Thành diễn ra ở cửa biển Lạch Ghép và Lạch Trào thuộc duyên hải Quảng Xương. Qua mỗi trận thủy chiến ấy, xác lính rơi xuống biển nhiều vô kể và trôi dạt vào bờ, để lại những bãi xương người trắng xoá. Chưa hết, trước mỗi trận

1. Theo các tư liệu từ Tạp chí *Địa chất - Hà Nội* các số 2/1969, 11/1971; 12/ 1976 thì nhìn vào độ cao 15m so với mặt nước biển hiện nay, núi Chẹt còn gọi là núi Thạch Hiệp ở Quảng Xương – Thanh Hoá vẫn còn dấu ấn nước biển. Xem thêm: “*Quảng Xương qua pho sử trong lòng đất*” của Nguyễn Danh Phiệt, in trong sách *Đất và người Quảng Xương*, Nxb. Thanh Hoá, 1998.

2. *Đại Việt Địa dư toàn biên* của Nguyễn Văn Siêu. Viện Sử học và Nxb. Văn hoá, tháng 4 năm 1997, Nguyễn Văn Siêu là một danh sĩ đời vua Tự Đức. Ông sinh năm Kỷ Mùi (1799) và mất năm Nhâm Thân (1872), quê làng Kim Lũ, Thanh Trì, Hà Nội. Tư liệu được lấy ở quyển 3 trong tập sách này là do Bùi Quý soạn. Ông tên là Bùi Ngọc Quý, quê ở Hải Thiện, huyện Tiên Lữ, Hưng Yên. Đỗ đồng khoa tiến sĩ năm Kỷ Sửu năm Minh Mệnh thứ 10 (1829) làm Tổng đốc Bình Phú và đã từng đi sứ sang nhà Thanh.

3. Các cụ Nguyễn Thanh Vang, chùa Mậu xương, 79 tuổi và cụ Nguyễn Văn Vược đền An Đông, 80 tuổi kể ngày 7/12/2003.

4. *Đại Việt sử kí toàn thư*, tập 2, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1967, tr. 45.

kịch chiến thật nát xương tan ấy, người dân dọc duyên hải này còn phải chịu nhiều trận đại dịch, bị bệnh tật, môi trường ô uế hủy hoại sức khoẻ. Vì thế số người làm ăn, sinh sống ở đây cũng bị chết không biết bao nhiêu mà kể. Ngay ở cửa Lạch Ghép xưa kia, mỗi khi vào ngày giỗ Trần Nhật Duật, dân làng thường tổ chức lễ hội rất to và có sắm sửa thuyền bè đóng lại cảnh kịch chiến trên biển của tướng sĩ nhà Trần với quân Nguyên và quân Chiêm Thành thuở trước<sup>(5)</sup>.

Từ những “cốt lõi là sự thật lịch sử”<sup>(6)</sup> có trong truyền thuyết dân gian đối sánh với thực tại lịch sử được chép trong chính sử nước nhà, có thể nghĩ rằng: tên gọi Vĩnh Xương hay Quảng Xương được gắn với vùng đất này kể từ khi xuất hiện trong *Đại Việt địa dư* là ghi nhận về quá khứ của một vùng duyên hải tử địa, xương với nghĩa là các hồn ma (ma trành) xếp dài (vĩnh) ven biển, xác người dạt từ biển vào chiếm một vùng đất rộng (quảng). Nỗi ám ảnh, sợ hãi của bao người dân miền đất này về những trận đại dịch bệnh, về tà ma... dường như là sự đương nhiên. Và thế là, trong chúng sinh tất nảy ra những thứ lệ tục, tín ngưỡng cúng bái, nghĩ ra các cách thức trừ tà, trừ ma, trừ dịch và thu nạp những nghi lễ, tục hèm sao cho phục vụ mục đích trấn an tâm linh, an ủi dân lành tạo ra niềm tin để bám trụ trên mảnh đất của quê cha đất tổ. Làng Yên Đông, nơi được dân chúng coi là địa điểm phát tích của Đạo Tràng cũng là vùng đất nằm trong vệt duyên hải vốn gắn với lí do ra đời của địa danh Quảng Xương, án ngữ khoảng không gian chính giữa của con đường nối liền 2 cửa biển từ Lạch Trào đến Lạch Ghép.

Đền An Đông hiện nay là một ngôi nhà ngói ba gian nhỏ tọa lạc trên mảnh đất có diện tích 750 m<sup>2</sup>, lòng nhà rộng 30 m<sup>2</sup> có gian giữa đặt bàn thờ Phật Tổ Nội Đạo và Tam Thánh. Cách một khoảng sân hẹp là mái Tam Quan, phía trên có gác chuông nhỏ. Tương truyền, đền này được làm trên nền nhà cũ, cách đây 4 thế kỉ là nơi đã sinh ra Phật tổ Trần Ngọc Lành.

Làng Mậu Xương thời Minh Mạng còn được gọi là làng Mậu Hoa. Chùa Mậu Xương khi xưa mang tên gọi Tuyết Phong, tương truyền xuất hiện từ đời Trần, nằm trên khu đất khá rộng. Đến đời Lê Thần Tông (1619-1643), cùng với sự xuất hiện của Đạo Nội, chùa được mang tên Tường Minh<sup>(7)</sup>, có người gọi là Tuyết Minh. Từ khi Phật tổ và các thánh của Nội Đạo Tràng được thờ đến sau này, chùa Mậu Xương đã bị phá đi, làm lại nhiều lần. Theo các cụ già của Mậu Xương kể lại, đầu những năm 30 của thế kỉ XX, chùa có diện mạo khiêm tốn, mái ngói ta, tường đất, trong đặt đồ thờ tự sơ sài (do mất mát) và một tấm bia ghi lai lịch dòng Đạo Nội An Đông. Do linh thiêng nên dân làng và khách thập

5. Ông Trần Nhân Tâm, trưởng ban quản lí di tích đền Phúc và bia Tây Sơn xã Quảng Nham kể lại ngày 18 tháng 2 năm 2004.

6. Phạm Văn Đông. “Nhân ngày giỗ tổ vua Hùng”. Báo *Nhân Dân* tháng 10/1970.

7. Dưới triều Trần Thánh Tông (1258-1278) thương tướng Lê Công An được giao nhiệm vụ khai khẩn đất hoang xây dựng trang ấp Hương Yên Duyên và cai quản cả đoạn bờ biển dài hơn 20 Km từ cửa Lạch Trào cho tới cửa Ghép. Năm 1264, con trai thứ 2 của ông là Lê Công Bằng cùng con cháu đã dựng chùa Hưng Phúc rất nguy nga tráng lệ thờ Phật. Có lẽ chùa Mậu Xương cũng được dựng vào thời kì này và với diện tích rộng lớn như vậy, chắc chùa Mậu Xương cũng có tầm cỡ đồ sộ, nguy nga nhất định, cách chùa Hưng Phúc (nay thuộc xã Quảng Hàng) khoảng 5 km về phía Bắc?!

phương vẫn đến thờ cúng quanh năm với mục đích cầu tự, trừ nạn, trừ tà, giải kiện và chữa bệnh<sup>(8)</sup>.

Ngày 8/7/1974 tất cả khu chùa Mậu Xương bị phá hủy hoàn toàn. Chính quyền xã Quảng Lưu cho chuyển tất cả các đồ thờ tự, cột kèo ... của chùa về sân ủy ban xã. Trong ngày đó, họ Phạm ở Thôn 10 (làng Lưu Huyền) giấu đi được 3 thánh tâm (bài vị), mang về lập điện thờ Phật tổ Đạo Nội và thờ cúng. Tháng Giêng năm 1990, các cụ già làng Mậu Xương cùng nhau huy động sức dân dựng nên một căn nhà nhỏ trên nền chùa cũ và đặt bát nhang thờ cúng. Đến năm 1992, dân các xã Quảng Lưu và Quảng Hưng tập trung xây dựng mới toàn bộ khu hậu cung và khu trung đường hiện nay. Năm 1998, sở VH TT tỉnh Thanh Hoá chính thức cấp bằng công nhận di tích lịch sử văn hoá cho chùa Mậu Xương, lập ra ban quản lí chùa.

Liên quan trực tiếp đến dòng Nội Đạo còn một cơ sở khác tất phải nêu ra là chùa Từ Minh thuộc làng Từ Minh, xã Hoàng Long, Hoàng Hóa. Chùa - đền Từ Minh của dòng họ Trần Ngọc thờ Phật tổ của Nội Đạo Trànng nằm cuối địa phận thôn 6. Làng Từ Minh hiện nay có 2.700 nhân khẩu là con cháu 4 dòng họ lớn: Trần, Vũ, Nguyễn, Lê. Họ Trần của Từ Minh trực hệ từ dòng họ Trần Ngọc ở An Đông, Quảng Hải. Hiện nay, con cháu họ Trần Ngọc thuộc chi thứ hai sinh sống tại thôn 6 này chỉ còn lại 2 gia đình của các ông Trần Ngọc Phúc và Trần Ngọc Uy. Ông Trần Ngọc Uy năm nay 69 tuổi, là thủ nhang của chùa - đền Từ Minh (Từ Minh Tự) thờ Phật tổ Trần Ngọc Lành và Phật mẫu Hoàng Thị Kế.

Chùa - đền Từ Minh hiện dựng trên khu đất rộng khoảng 150m<sup>2</sup>. Đó là dãy nhà ngói cổ có ban thờ lớn ở gian giữa, hai bên là 2 gian thờ Tam Mẫu và các Thánh. Theo ông Trần Ngọc Uy: nền đất của chùa - đền Từ Minh này vốn trước đây là ngôi trường dạy học của Phật tổ. Học trò từ thập phương kéo về đây học đông có lúc đến hàng vạn người. Khi các cụ cố nội của ông đào móng để dựng lại ngôi chùa - đền này, còn thấy rất nhiều thối mực tàu ở dưới sâu lòng đất trên dưới 1m. Cũng theo ông Trần Ngọc Uy, tính đến đời cháu ông hiện nay, người thuộc họ Trần Ngọc đã ở đất này đến đời thứ 19. Ông thủy tổ có tên là Trần Ngọc Đốn. Nhiều con cháu họ Trần Ngọc ở đây đã kéo nhau về vùng đất Hoàng Khê (giáp huyện Hậu Lộc) sinh sống. Đây cũng là nơi an táng Hậu quan tôn thánh. Hiện nay ông Uy còn giữ được một bức sắc phong cho chùa từ đời Nguyễn và một cây xích hình vuông cỡ 5cm x 5cm, dài 40cm, có chữ Hán và chữ nhà Phật khắc cả 4 mặt, thường được dùng vào các lễ bắt quyết trừ tà, trừ ác. Nổi danh trong con cháu của Phật tổ Nội Đạo ở đây tương truyền có cụ Trần Ngọc Dinh được coi là Đại Pháp Sư, có uy tín và tiếng vang đến tận triều đình.

Khảo sát thực địa 3 nơi được coi là có liên hệ trực tiếp với Phật tổ Nội Đạo, chúng tôi đều thấy có sự trùng nhau về các ngày lễ - kỵ lớn:

- Ngày 23/11 âm lịch hàng năm là ngày giỗ Quỳnh Lâm Hầu, có tên húy là Trần Ngọc Thích, thời Lê Trung Hưng

8. Ghi theo lời kể của các cụ: Nguyễn Thanh Vang, 79 tuổi; Lê Đình Soạn, 76 tuổi làng Mậu Xương và cụ Nguyễn Văn Vược làng Bồi Quang, 79 tuổi.

vốn đã được làm việc trong triều, người sinh ra Phật tổ Trần Ngọc Lành.

- Ngày 8/10 âm lịch: giỗ bà vợ Quỳnh Lâm Hâu, hiệu là Từ ái (không có tên húy) 50 tuổi sinh ra Trần Ngọc Lành.

- Ngày 28 tháng giêng: giỗ Phật tổ Trần Ngọc Lành<sup>(9)</sup>.

Đi sâu sưa tìm truyền thuyết dân gian liên quan đến Nội Đạo từ Mậu Xương đến An Đông và Từ Minh, chúng tôi đều nghe được số lượng chuyện phần lớn có nội dung giống nhau. Các cụ già cao tuổi ở 2 làng Mậu Xương và Bồi Quang (An Đông) đều kể những câu chuyện về xuất xứ của dòng Nội Đạo như sau:

Vào thời Lê Trung Hưng, ở làng Bồi Nguyên có ông Quỳnh Lâm Hâu Trần tướng công là người tài cao học rộng, đỗ đạt cao nên được giữ chức Điện Tiền chỉ huy sứ trong triều. Do tuổi đã tròn 50 mà chưa có con cái, ông đưa vợ về quê tĩn dưỡng, chăm lo vườn tược và ngày ngày cùng vợ là bà Từ ái vào chùa Tuyết Phong cầu tự. Một đêm ông nằm mơ thấy hai lực sĩ dẫn đến một cung điện lưu li và báo rằng do dòng họ ông có quả phúc, ông bà đều hiền lành lương thiện nên việc cầu tự đã ứng nghiệm. Sau đó vợ ông đã có mang và sinh ra được một cậu con trai khôi ngô tuấn tú. Bà đặt tên con là Lành. Lớn lên thấy con học giỏi, bà đổi tên là Ngọc Trân và được nhận vào học ở Quốc Tử Giám. Gặp thời loạn lạc, Trần Ngọc Trân không muốn ta làm quan mà quay về quê ẩn dật và phụng dưỡng cha mẹ già. Do hoàn cảnh gia đình ngày ngày ông phải làm công việc chèo đò đưa khách qua sông để lấy tiền nuôi cha mẹ. Một dạo, cha ông lâm bệnh nặng, ông chèo đò

thâu đêm để có tiền mua thuốc. Có lần trên chuyến đò đêm, có một cụ già râu tóc bạc phơ, vóc dáng đẹp như tiên xin qua đò. Ông vui vẻ nhận lời đưa cụ già qua sông nhưng không giấu được vẻ buồn rầu, lo lắng. Cụ già tóc bạc gạn hỏi thì được biết bố ông đang ốm rất nặng, khó bề qua khỏi. Cụ già cười bảo: Ta có phương thuốc lạ, có thể chữa được. Ông rước cụ già về nhà lập đàn tế lễ thâu đêm. Gần sáng, ông thấy bố mình không cần thuốc thang mà khỏi bệnh nên cấp tập đi gặ cụ già để lạy tạ thì cụ già đã biến mất, chỉ để lại 7 nén hương. Ông thấy lạ nên lập nên một điện thờ vị ân nhân và tôn là “Thượng không Phật”. Một chiều thu năm Bính Dần, ông chợt thấy một đám mây ngũ sắc dạt vào bên cửa. Chưa kịp định thần, ông đã thấy vị tiên ân nhân hiện ra trên điện thờ. Ông chấp tay dập đầu khấn lạy và xin được “xả thân đầu giáo”. Ông được vị Thượng không Phật giảng cho biết về nhiều lẽ luân thường, đạo lí và cốt cách làm người lương thiện, đồng thời nói cho ông biết rõ ông là người do quốc vương nước Tây Vực đầu thai. Nếu ông tự khổ luyện suốt đời sẽ được Thượng không Phật quay lại truyền cho bí pháp.

Từ đó ông chú tâm chăm lo làm việc thiện. Một hôm nhân dọn vườn và sửa đường ra phía chùa Tuyết Phong, ông đào được một bản đồng trong đó có khắc 40 linh ấn. Ông lau chũ sạch sẽ và nâng niu đem về nhà lập miếu thờ phụng, cầu khấn nghiêm trang. Từ đó, phép tắc thần linh như được nhập vào người ông, làm cho ông có sức khoẻ phi thường, có tài hô phong hoán vũ, dời núi lấp biển, diệt trừ

9. Những sinh hoạt lễ - kĩ của con cháu dòng họ Nội Đạo sẽ được khảo cứu chi tiết ở một bài viết khác.

được nhiều yêu ma quấy nhiễu ở các cửa sông, cứu giúp dân nghèo suốt một vùng kéo vào tận Nghệ An. Ông từng được triều đình vời ra làm quan nhưng từ chối và dọn nhà đến làng Từ Minh gần núi Hàm Rồng, lấy vợ là bà Hoàng Thị Kế và mở trường thu nạp học trò, truyền dạy đạo pháp, có lúc học trò đông đến hàng vạn người. Vợ chồng ông sinh được 3 người con trai có tướng mạo khác người. Người con cả tên là Trần Ngọc Tích, khi sinh ra trên vai có in hình hai chữ Nhật Quang. Người con thứ tên là Trần Ngọc Khang, trên vai có in hình hai chữ Nguyệt Quang. Người con thứ ba tên là Trần Ngọc Vinh, khi sinh ra trên vai có in hình hai chữ Ngọc Quang.

Vào đời vua Lê Thần Tông (tức Lê Duy Kỳ lên làm vua từ 1649-1662) nhân khi nhà vua bị bệnh mọc lông hổ, có triệu ông vào triều chữa bệnh. Ông sai một đệ tử ra kinh chữa khỏi bệnh cho vua và dịp đó chữa khỏi bệnh cho cả con chúa Trịnh. Từ đó vua – chúa rất vị nể và yêu quý ông, truyền cấp bổng lộc cho ông mở trường dạy học. Nhân một chuyến kinh lí miền Trung, vua có về thăm cơ ngơi của ông ở An Đông, cảm kích công lao của ông và tấm lòng thực tâm xây đạo của mình, vua tự tay viết bức đại tự: Nội Đạo Tràn treo ở cửa trường và phong cho ông là Phục Ma Thượng Đẳng Phúc Thần. Con đường hành đạo cứu đời của ông và các môn đồ từ đó mang danh Nội Đạo Tràn, nức tiếng trong dân và có uy tín với cả triều đình. Ba người con ông đều là những người học hành, đỗ đạt nhưng không ra làm quan mà ở quê nối chí cha, tu tâm luyện tính, trị bệnh cứu người, trừ ma trừ quỷ.

Liên quan đến Phật tổ Nội Đạo, có một pháp sư được coi là nhân vật thứ hai sau

Phật tổ đã đi vào truyền thuyết dân gian, được lưu truyền ở các làng Mậu Xương và An Đông. Truyền rằng, sinh thời, khi Phật tổ đã có phép nhiệm mầu, ngài thường đi lại khắp vùng ven biển xứ Thanh – Nghệ – Tĩnh để diệt trừ ma quái, tà sùng cứu dân. Có lần, ngài vào tận xứ Nghệ bắt chợt gặp một pháp sư bản địa đang trở lễ cúng tế, niệm phù chú và dùng phép thuật đưa thuyền qua sông Lam nhưng không được, ngài bèn đến làm quen và ra tay giúp hộ. Sau vài lời niệm chú, tay bắt quyết, tiếng ngài hét vang một quãng sông. Chiếc thuyền lách dòng băng băng qua sông. Vị pháp sư xứ Nghệ nể phục chấp tay bái lạy và xin nhận làm đệ tử. Ngài tươi cười đưa cho 7 nén hương và bảo mỗi ngày thắp 1 nén, khi nào hết thì tìm ra đất Từ Minh gần chân núi Hàm Rồng sẽ được nhận làm đệ tử. Nghe lời, sau 7 ngày, vị pháp sư xứ Nghệ lần tìm ra Thanh hoá, đến đất Từ Minh bái kiến Thượng sư Trần Ngọc Lành và ở lại học hành tu luyện. Sau một thời gian, ông được Thượng sư trao cho pháp danh là Pháp Mô, thay thầy dạy dỗ học trò. Ông cũng từng được Phật tổ ủy nhiệm thay mặt cho dòng Nội Đạo giao lưu với triều đình và đứng ra đón tiếp thu nạp học trò. Khi ông mất đi, được các đệ tử Nội Đạo coi là Á Thánh và trong các dịp tế lễ, ông thường nhập về phủ dụ dân chúng và giải cứu mọi ưu phiền cũng như tiếp nhận lời khẩn cầu của các con nhang, đệ tử để truyền đạt lên Phật tổ. Chính vì thế, trong các dịp tế lễ hai đại kỳ của Đạo Nội, Á Thánh thường nhập vào thầy cúng và toàn nói giọng xứ Nghệ<sup>(10)</sup>.

10. Theo lời kể của ông Trần Ngọc Quế thôn An Đông và ông Mai Văn Thao chùa Mậu Xương.

Nhìn chung, truyền thuyết dân gian có liên quan đến Nội Đạo Tràng được lưu truyền ở các làng An Đông, Mậu Xương và Tường Minh bước đầu được giới thiệu sơ lược và ngắn gọn ở đây đã phần nào cho chúng ta thấy một hệ thống chuyện kể mà cốt lõi là sự ra đời và tồn tại của dòng Nội Đạo với Phật tổ An Đông thuộc dòng dõi Trần Ngọc<sup>(11)</sup>. Từ trong kết cấu của cả hệ thống truyện, có thể nhận thấy sự thể hiện những biểu hiện cho sự tồn tại của một tôn giáo bản địa được hoà quyện, giằng néo giữa niềm tin và tín ngưỡng dân gian của một địa vực cụ thể với các tầng lớp lang tôn giáo khác như Phật giáo, Nho giáo và Đạo giáo phương Đông. Theo cảm quan và ý thức về tín ngưỡng của mình, người lưu truyền nó đã như ghi nhận được một sự thực lịch sử gắn với các tiêu chí hình thành dáng dấp của một thứ tôn giáo bản địa riêng của người Việt:

1. Phật tổ của Đạo Nội có vai trò như một giáo chủ, thậm chí các đệ tử của ngài như Á Thánh, Pháp Mô, Tam Thánh, Hậu Thánh... cũng có thể giữ vai trò như một trong những giáo chủ có một hệ ý thức tôn giáo nhất định.

2. Cơ sở trường dạy học của Phật Tổ Thượng sư và Á Thánh Pháp Mô có thể được coi như một kiểu giáo đường của Nội Đạo.

3. Hàng chục vạn đệ tử của Nội Đạo được tôi luyện từ “giáo đường” Từ Minh chính là đội ngũ giáo dân hùng hậu từ nhiều địa phương tìm đến tu luyện rồi tỏa ra truyền bá Nội Đạo đi khắp nơi từ Thanh Hoá đến Ninh Bình, Nghệ An, Hà Nam, Nam Định, Hà Nội, Hưng Yên ...

4. Những bí quyết bùa chú, ấn quyết và cách thức hành luyện của các đệ tử

Nội Đạo, kể cả những bí quyết riêng chỉ có Nội Đạo sử dụng được hành nghề có thể được coi như những giáo lí riêng để phục vụ cho một loại hình tôn giáo.

Song song với sự tồn tại của hệ thống truyện kể về sự nảy sinh và tồn tại của Nội Đạo An Đông từ cuối thế kỉ XVI trở đi là những tài liệu trực tiếp hoặc gián tiếp ghi chép về hiện tượng Nội Đạo trong sử sách. Hiện nay, tại tư gia con cháu họ Trần Ngọc ở An Đông, xã Quảng Hải, Quảng Xương, Thanh Hoá đang được lưu giữ khá nhiều tư liệu chữ Hán có liên quan trực tiếp đến Nội Đạo An Đông và các sách kinh, kệ (được sử dụng trong các lễ cúng tế, giỗ chạp tổ chức ở đền An Đông và chùa Mậu Xương).

Tư liệu chính thống liên quan một Nội Đạo Tràng được biên soạn vào loại sớm nhất là cuốn *Đại Nam Lê Triều Thanh Hoá Nội Đạo Tràng Tam Thánh Bảo Lục* được soạn năm 1660, trung san năm 1807, không rõ tác giả (?). Hiện có 2 bản chép tay mang kí hiệu A1316, 284 trang và A926, dày 404 trang lưu tại thư viện Viện Hán Nôm ở Hà Nội. Cũng ở thư viện này còn cuốn: *Nội Đạo Tràng liệt thánh bảo lục* do Nguyễn Tảo, tự Pháp ngôn, hiệu Văn Trai biên soạn, in năm Thành Thái Nhâm Dần (1902) mang kí hiệu

11. Theo nhà thơ Vương Anh, phó giám đốc sở VH-TT Thanh Hoá, tác giả của nhiều tập khảo luận về văn hoá dân tộc Mường thì dường như khắp các huyện miền núi Thanh Hoá như Bá Thước, Mường Lát, Thạch Thành, ... Hiện nay đều còn nhiều chùa - đền của người Mường, có thờ Phật tổ của Nội Đạo Tràng và Tam Thánh Nội Đạo. Vẫn có những pháp sư Mường hành lễ bằng cách niệm chú, bắt quyết, múa xích kết hợp với cúng Mo. Dấu vết vật chất đậm nét hơn cả là Đền Rồng ở Cẩm Thủy, nơi đã được sửa lại khang trang và gắn trực tiếp với Nội Đạo Tràng.

A2975, 70 trang<sup>(12)</sup>. Đây có lẽ là cuốn sách có nội dung gần với truyền thuyết dân gian hiện đang được lưu truyền ở hai làng Mậu Xương và Bồi Quang hơn cả.

Bên cạnh các tư liệu trên, liên quan hoặc ghi lại hiện tượng có liên quan đến Nội Đạo Tràng còn có trong: *Tang Thương Ngẫu Lục* của Phạm Đình Hổ; Kho tàng *Truyện cổ tích Việt Nam*, tập 4 của Nguyễn Đông Chi và tư liệu sự ra đời của Nội Đạo Tràng ở Việt Nam (thông báo của trường Viễn Đông Bác cổ (CEFEO), số 34 – 1943. Bài thuyết trình ngày 4/1/1940 của giáo sư Nguyễn Văn Huyền in trong bộ sách: *Góp phần nghiên cứu văn hoá Việt Nam*, tập 1, Nxb. Khoa học Xã hội, H, 1995, trang 481 - 484). Ngoài ra, còn một số bài viết hoặc đoạn tư liệu rải rác in trên báo chí có liên quan hoặc nhắc tới Nội Đạo Tràng.

Đến đây, cũng cần nhận thức rằng, để có cái nhìn chuyên sâu về một đối tượng khảo cứu là Nội Đạo Tràng, ngoài việc truy cứu dữ liệu từ truyền thuyết dân gian và tư liệu sách vở có ghi chép, tất yếu phải xem xét chi tiết và cụ thể những di vật văn hoá của Nội Đạo còn đọng lại, những nghi thức tế lễ qua các ngày đại kỵ được tổ chức ở An Đông, Mậu Xương, Từ Minh với tất cả các cách thức mang tính nguyên hợp vốn có của nó. Và thêm nữa, cần có sự khảo cứu ở các địa danh qua các vùng đất khác có liên quan đến Nội Đạo như Nghệ An, Hà Tây, Hà Nội, Hưng Yên, Hải Dương... thì vấn đề Nội Đạo Tràng, một hiện tượng có vóc dáng của một tôn giáo bản địa độc đáo mới hiện nguyên hình và lộ ra bản chất đích thực của nó.

Tuy nhiên, qua bước đầu khảo sát thực trạng Nội Đạo Tràng ở Thanh Hoá và soi

qua một số công trình, bài báo đã công bố, những nhận xét và đánh giá của các nhà khoa học về Nội Đạo Tràng, người viết này muốn gợi mở đôi điều sau đây:

1. Hầu hết các cụ già ở các làng Mậu Xương, An Đông và Từ Minh đã và đang lưu truyền các câu chuyện liên quan đến Nội Đạo Tràng đều hiểu rằng đó là Trường dạy học Nội Đạo. Ngay học giả Nguyễn Văn Huyền khi giới thiệu “sự ra đời của Nội Đạo Tràng ở Việt Nam” cũng coi Nội Đạo Tràng chính là Trường học Nội Đạo<sup>(13)</sup>. Có lẽ, những người hiểu và giải thích nghĩa của Nội Đạo Tràng như trên đã căn cứ vào sự xuất hiện và tồn tại trong một thời gian dài của các trường đào tạo đệ tử cho Nội Đạo ở đất Từ Minh, Trường Thuật sĩ ở Nghệ An, Trường Thuật sĩ ở Hải Dương, Trường Thuật sĩ của Nội Đạo ở Trung Quốc.

Xem lại chữ “Tràng” trên các bức đại tự có khắc 3 chữ Nội Đạo Tràng treo tại các chùa - đền Mậu Xương, An Đông, Từ Minh và đối chiếu với các từ điển Hán - Việt thì nó hoàn toàn không mang nghĩa là trường học mà mang nghĩa hoàn toàn khác là chỉ nơi chốn, địa điểm tồn tại hoặc lưu giữ một vật, một sự kiện hoặc hiện tượng nào đấy. Ngoài ra, nó có thể được hiểu theo nghĩa chỉ một bộ phận, một tổ chức nào đấy có tính độc lập như trong cụm chữ Trường Tràng dùng cho các môn phái võ lâm chẳng hạn. Không đồng ý với cách hiểu nghĩa của “Tràng” là

12. Hiện nay, cụ Nguyễn Thanh Vang ở Mậu Xương đang có cuốn gia phả họ Trần Ngọc bằng chữ Hán, cuốn Nội Đạo Tràng Liệt Thánh Bảo Lục của Nguyễn Tảo (chữ Hán) và bản dịch của Huyền Cư Tô Ngọc Cừ, Hà Nội, 1994 (đánh máy khổ giấy A4).

13. Xem: *Góp phần nghiên cứu văn hoá Việt Nam*, tập 1, Nxb. KHXH, Hà Nội 1995, tr. 483.

trường học, nhà nghiên cứu Nguyễn Duy Hinh cũng nhận xét: “Xưa Nội Đạo Tràng là một đạo tràng lập ra trong cung vua, tuyệt nhiên không có nghĩa là Trường học Nội Đạo, coi đó là Đạo gọi là Nội Đạo”<sup>(14)</sup>.

2. Không đồng ý với cách hiểu Nội Đạo Tràng chính là trường học (dạy) của Nội Đạo như tác giả của công trình Người Việt Nam với Đạo giáo trên đây là chính xác. Nhưng quan niệm Nội Đạo Tràng ở An Đông chính là một dạng của cơ sở đạo tràng lập ra trong cung vua thì có lẽ cần xem xét lại. Thực tế, trong triều đình của các triều Trần, Lê trong lịch sử nước ta, đã từng có một khu vực dành cho cơ sở Đạo Tràng. Nhưng cơ sở đó thực chất chỉ là địa điểm để tàng trữ các sách kinh, kệ của Đạo giáo, Phật giáo (một dạng thư viện tôn giáo) phục vụ cho một bộ phận chức năng nào đó của triều đình. Nếu khảo lại các truyền thuyết và các tư liệu sử sách có liên quan trực tiếp đến Nội Đạo Tràng An Đông và dáng dấp tôn tại theo các tiêu chí của một tôn giáo thực thụ của nó như chúng tôi đã nêu ra ở trên thì thật khó lí giải cho cơ sở “Đạo Tràng lập ra trong cung vua” như đã đề cập.

3. Không ít nhà nghiên cứu đi đến nhìn nhận Nội Đạo Tràng An Đông chỉ dừng lại ở góc độ bề nổi đạo pháp của nó, nghĩa là thiên về các hành vi tôn giáo bí hiểm như bùa chú, phù phép của một phù thủy. Coi Nội Đạo Tràng như “một đạo phái ra đời vào cùng khoảng thời gian xuất hiện đạo Mẫu”. Tác giả của *Đạo*

*Mẫu ở Việt Nam* cho rằng: “Đây là đạo phù thủy đã được nâng cao với phương thức dùng phù chú, ấn quyết”<sup>(15)</sup>. Cùng quan điểm như vậy, tác giả của “người Việt Nam và Đạo giáo” nhận xét: “Nội Đạo Tràng là hiện tượng phù chú của phái Đạo giáo nhưng đã thâm nhập Phật giáo và Nho giáo”<sup>(16)</sup>.

Quả thật, dù mới bước đầu khảo sát thực trạng của Nội Đạo Tràng ở An Đông – Mậu Xương – Từ Minh, chúng ta vẫn có thể ít nhất nhất ra được những yếu tố cầu thành tôn giáo, hay “những điều kiện để tôn giáo ra đời và tồn tại”. Những định nghĩa về tôn giáo của các học giả Châu Âu như X. A. Tôcarép, Y. Lambert, G. V. Plêkhanốp... như những gợi mở lí thú khi soi vào thực trạng Nội Đạo Tràng An Đông, dọn đường cho sự khảo cứu chuyên sâu, kết hợp giữa lí luận và thực tiễn về một dòng đạo đích thực, một thứ tôn giáo bản địa độc đáo của văn hoá Việt Nam dù hiện nay nó hiện hình chỉ mờ tỏ trên đất Thanh Hoá. Nhưng nếu ngược qua các bước đường thăng trầm lịch sử của nó, sự nhận diện khuôn dạng riêng rẽ này của Nội Đạo Tràng chắc sẽ có những lí lẽ tích cực và đóng góp cho khoa học./.

14. Nguyễn Duy Hinh. *Người Việt Nam với Đạo giáo*, Nxb. KHXH, Hà Nội 2003, tr. 728.

15. Xin xem: *Đạo Mẫu ở Việt Nam* (Ngô Đức Thịnh chủ biên), Nxb. Văn Hoá - Thông tin, Hà Nội, 2002, tr. 153.

16. Nguyễn Duy Hinh. *Sdd.*, tr. 735.